

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày: 19- 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Trang

Ông Nguyễn Quốc Phục

Bà Nguyễn Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Bé – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST – HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Minh C, sinh ngày 21/01/2002, tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: số B, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Trần Thị Út M; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 08/02/2021 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 07/2021/QĐ-TA dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng, chấp hành xong ngày 02/12/2021; bị bắt tạm giam ngày 22/10/2022; có mặt.

2. Võ Văn P, sinh năm 2002, tại quận Ô, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: số F, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H (chết) và bà Trần Thị Lệ T; chưa có vợ, con; tiền

án: không; tiền sự: ngày 18/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số: 16/2021/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”, thời gian 18 tháng, đã chấp hành xong ngày 14/6/2022; ngày 11/11/2022, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số: 12/2022/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”, thời gian 18 tháng nhưng chưa chấp hành quyết định này; bị bắt tạm giam ngày 19/12/2022; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Minh C:* ông Trần Ngọc T1 –Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn P:* ông Nguyễn Hữu N – Luật sư Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Bị hại:* Phạm Văn T2, sinh năm 1990 (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: bà Phạm Thị H1, sinh năm 1964; cư trú tại: số H, tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Trần Thị Út M, sinh năm 1969; nơi cư trú: số B, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Mai Thị Thu H2, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. Chị Võ Thị Tuyết T3, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

3. Anh Đoàn Văn Bảo L, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

4. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

5. Anh Cao Văn L1, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 2004; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

7. Chị Trần Ngọc Huỳnh N2, sinh năm 2005; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

9. Anh Phạm Văn M1, sinh năm 2003; nơi cư trú: tổ D, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4 năm 2022, bị cáo Lê Văn Minh C và chị Phạm Thị Kiều O có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bị cáo C và chị O thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc nên chị O bỏ nhà đi không còn chung sống với bị cáo C. Cảnh nhiều lần điện thoại, nhắn tin kêu chị O về nhưng chị O không đồng ý. Vào ngày 22/10/2022 sau khi uống hết 05 lon bia, C hỏi mượn xe của chị L3 để sang nhà P. Khi đi C điều khiển xe mô tô biển số 51Z3- 9720 và mang 02 lon bia đến nhà P. C và P khui bia cùng nhau uống, C hỏi P “Bữa hôm ông nhậu chung với vợ tôi hả”, P trả lời “Bữa đó tôi vô sau, uống có một chai bia”. C hỏi P “Bữa đó nhậu với ai” P nói nhậu chung với T2, M1, Ngọc N2, Huỳnh N2 và O. Khi nghe P nói thì C bức tức và nghĩ T2 chính là người nói xấu C cho O nghe nên O mới bỏ nhà đi. Cảnh muốn đi tìm T2 để đâm. C kêu P “*Ông chở tôi đi tìm thằng T2*”. Lúc này, C lấy cái kéo nhét vào lưng quần thì P nhìn thấy. Vừa nhét cái kéo C nói với P “*Bữa nay xuống đâm mấy thằng này chết mẹ nó nè*”. P điều khiển xe mô tô biển số 51Z3- 9720 chở C đi tìm T2. Lúc gần đến nhà của N2 thì C lại hỏi P “Bữa đó nhậu có ai”, P trả lời nhậu với “T2, M1 và vợ chồng N2”. Khi P chở C đến nhà của N2 thì P đứng đợi C ở ngoài đường đan. C đi tìm T2 vừa đi vừa nói “*Tao là C chó điên nè, tui bây nói xấu tao với vợ tao cái gì mà vợ tao bỏ đi, tao kiếm, tao đâm từ già tới trẻ*”. Khi gặp N2 thì C chỉ tay vào Như chửi thề, dùng chân đạp anh L1 nên anh L1 bị ngã. Khi nhìn thấy T2 thì C liền nói “*Hôm bữa anh nhậu chung với vợ tôi phải không*”. C dùng tay phải nắm vai áo của T2 kéo lại và đẩy T2 lui về phía sau và hỏi T2 “*có không, có không*”, đồng thời tay trái cầm sẵn cái kéo đâm mạnh 01 nhát vào ngực T2. Sau khi đâm T2, C buông ra, T2 ra từ từ ngã xuống đất. C cầm kéo rời khỏi hiện trường, nhưng còn quay lại chỉ vào T2 và nói “*Ngày hôm nay tao trả cho mày một kéo đó*”. C cầm kéo đi đến chỗ P đang đợi ngoài xe, C nói với P “*thằng T2 xong rồi đó, mày chở tao lên nhà thằng M1 để đâm M1*”. Chị L2 nghe C nói T2 tìm M1 để đâm thì chị L2 liền điện thoại báo cho M1 biết là Cảnh vừa đâm T2 ở đây và C đang đến nhà M1 để đâm M1. Khi P chở C chạy được khoảng 50 mét thì kêu P chạy xe quay lại nhà T2. Sau đó mọi người đưa T2 đi cấp cứu. Làm điều khiển xe chở N2 và T2, C nhìn thấy biết đi cấp cứu nên yêu cầu P chở C chạy theo sau. Đến Trạm Y tế xã T thì C và P cùng gia đình đưa T2 vào phòng cấp cứu. Khi nghe bác sỹ cho biết T2 đã tử vong. C kêu P chở đến Công an xã T, huyện B đầu thú và giao nộp cái kéo.

Đối với bị cáo Võ Văn P tuy không trực tiếp tấn công anh T2, nhưng P là người nói cho C biết T2, M1 và vợ chồng N2 là những người nhậu chung với O nên C mới nghĩ T2 chính là người nói xấu C cho O nghe nên O mới bỏ nhà đi và C muốn tìm T2 để đâm. Khi C lấy cái kéo tại nhà P thì P nhìn thấy và không có hành động can ngăn mà còn chủ động điều khiển xe chở C đi tìm T2 để đâm T2. Lúc đến nhà N2 thì P đứng ngoài đường đan đợi C. Khi C và T2 cự cãi nhau lớn

tiếng thì P nghe, sau khi C đâm T2, C nói cho P nghe. Cảnh kêu P chở đi tìm anh T4 để đâm T4 thì P cũng đồng ý. Vì vậy, bị cáo Võ Văn P là đồng phạm với bị cáo Lê Văn Minh C về tội giết người.

Tại bản giám định pháp y về tử thi số: 786/2021/KL-KTHS, ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận:

Các dấu hiệu chính qua giám định:

- Tại kẽ liên sườn 5, 6 vùng ngực trái có vết thương đứt sắc gọn và sâu vào bên trong khoang ngực. Vết thương đứt sắc gọn mặt trước tâm thất trái và sâu đến buồng thất trái. Vết thương đứt sắc gọn mặt trước màng bao tim. Ứ nhiều máu trong khoang ngực trái và khoang ngoài tim khoảng 2.500ml.

Kết luận:

- Nguyên nhân chết của nạn nhân Phạm Văn T2 là do sốc mất máu cấp. Cơ chế hình thành thương tích là vật sắc nhọn. Số lượng vết thương: 01 vết. Vị trí chạm lực: tại kẽ liên sườn 5, 6 vùng ngực trái. Hướng tác động: Từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Dạng tác động: Vết đâm. Tổn thương do vật sắc, nhọn gây ra: Đứt màng bao tim và đứt thủng tâm thất trái. Tổn thương dẫn đến tử vong là tổn thương trước chết.

Tại bản kết luận giám định số: 6109/KL-KTHS, ngày 13/12/2022 của V tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C2 kết luận:

Trên cái kéo gửi giám định có dính máu người. Kiểu gen của mẫu máu này trùng với kiểu gen của Phạm Văn T2.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) cái kéo dài 23cm, lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng dài 12cm, cán nhựa màu tím nhạt dài 11cm;

- 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, xám, có chữ ASIASPOPTS;

- 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, đỏ có chữ FOREVER;

- 01 (một) cái áo sơ mi tay dài, màu đen, vạt áo phía trước bên phải có một vết thủng, kích thước 1,3cm x 1,0cm.

- Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Lê Văn Minh C tác động mẹ ruột là bà Trần Thị Út M bồi thường cho bà Phạm Thị H1 là mẹ bị hại toàn bộ chi phí mai táng tổng cộng 33.023.000 đồng.

Bà Phạm Thị H1 yêu cầu bị cáo C và bị cáo P bồi thường tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng và cấp dưỡng cho bà 50.000.000 đồng, tổng cộng bằng 199.000.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Lê Văn Minh C và bị cáo Võ Văn P đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của đại diện bị hại.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSVL-P1 ngày 14/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Lê Văn Minh C và bị cáo Võ Văn P về tội: “giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo về tội giết người là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Vị Kiểm sát viên đánh giá nguyên nhân, tính chất vụ án, xác định vai trò đồng phạm của các bị cáo, trong đó bị cáo C giữ vai trò chính, là người thực hiện tội phạm, hành vi của bị cáo C mang tính côn đồ, hung hãn. Bị hại chết do bị cáo C gây ra. Bị cáo P là người giúp sức. Về nhân thân các bị cáo đều là những người nghiện ma túy đã được đưa vào cơ sở cai nghiện nhưng vẫn chưa từ bỏ được, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo C đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại, bị cáo C sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng. Vì vậy căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo C từ 18 năm tù đến 20 năm tù.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, 38, điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo P từ 08 năm tù đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo C phát biểu: thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ mà vị Kiểm sát viên đã phát biểu. Đề nghị xem xét bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả. Bị cáo đã đưa nạn nhân vào cấp cứu, điều này thể hiện bị cáo không mong muốn bị hại chết. Vì vậy đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo ở khung hình phạt thấp nhất.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P phát biểu: thống nhất với bản cáo trạng truy tố bị cáo P về tội giết người với vai trò là người giúp sức. Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo P như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả. Nguyên nhân xảy ra vụ án do bị cáo P cả nể bạn bè.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đại diện bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Minh C và bị cáo Võ Văn P thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét lời nhận tội của bị cáo C và bị cáo P phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của đại diện người bị hại, thương tích để lại trên cơ thể nạn nhân, phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng với vật chứng là hung khí dùng để thực hiện hành vi phạm tội đã thu hồi được. Vì vậy có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo phạm tội giết người, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ. Xét chỉ vì nghi ngờ việc vợ bị cáo bỏ nhà đi, không còn chung sống với bị cáo, bị cáo C bất tuân pháp luật, tìm bị hại và dùng kéo đâm vào vùng ngực trái của bị hại, trong khi bị hại không mâu thuẫn gì với bị cáo, hành vi này thể hiện bản tính côn đồ, hung hãn, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội giết người với tình tiết định khung: phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của người khác, gây đau thương tang tóc cho gia đình nạn nhân, để lại hậu quả không gì bù đắp nổi, làm mất an ninh trật tự ở địa phương vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét bị cáo C và bị cáo P là đồng phạm, trong đó bị cáo C là người trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo C dùng chiếc kéo sắc nhọn đây là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của nạn nhân hậu quả bị hại chết do thương tích của bị cáo C gây ra. Vì vậy mức hình phạt của bị cáo C phải cao hơn so với bị cáo P. Bị cáo P là người giúp sức, khi biết bị cáo C cầm kéo tại nhà của bị cáo, đi gặp bị hại T2 mà bị cáo C nghi ngờ nói xấu bị cáo với chị O, người chung sống như vợ chồng với bị cáo bỏ nhà đi, bị cáo P chở bị cáo C đến nhà chị N2 và gặp bị hại T2, bị cáo C dùng cái kéo đâm vào ngực bị hại T2. Sau đó bị cáo P chở bị cáo C đi tìm anh T4 để đâm. Vì vậy, bị cáo Võ Văn P là đồng phạm với bị cáo Lê Văn Minh C về tội giết người. Tuy vậy như nhận định ở phần trên, bị cáo P chỉ là người giúp sức nên mức hình phạt phải thấp hơn so với bị cáo C.

[4] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bị cáo C sau khi phạm tội đã đầu thú,

bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả, bị cáo C có ông nội là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: đại diện bị hại bà Phạm Thị H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại các khoản tiền gồm: tiền chi phí tiền mai táng, chi phí làm mồ mả tổng cộng 33.023.000 đồng, bị cáo C đã bồi thường xong.

Bà Phạm Thị H1 còn yêu cầu bị cáo C và bị cáo P bồi thường tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng cho bà 50.000.000 đồng, tổng cộng bằng 199.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Minh C và Võ Văn P đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của đại diện bị hại, trong đó bị cáo C đồng ý bồi thường 100.000.000 đồng, phần còn lại 99.000.000 đồng bị cáo P đồng ý bồi thường nên được chấp nhận.

[6] Về vật chứng: 01 cái kéo dài 23cm, lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng dài 12cm, cán nhựa màu tím nhạt dài 11cm; đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện tội phạm căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu để tiêu hủy

01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, xám, có chữ ASIASPOPTS, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, đỏ có chữ FOREVER, 01 (một) cái áo sơ mi tay dài, màu đen, vạt áo phía trước bên phải có một vết thủng, kích thước 1,3cm x 1,0cm các tài sản này không còn giá trị sử dụng, chủ sở hữu không nhận lại nên tịch thu để tiêu hủy.

[7] Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nhận thấy lời bào chữa của luật sư về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Luật sư bào chữa cho bị cáo C cho rằng bị cáo C không mong muốn hậu quả chết người xảy ra là không có căn cứ chấp nhận. Vì bị cáo C phạm tội giết người với lỗi cố ý trực tiếp, do bị cáo dùng kéo sắc nhọn đâm vào vùng ngực trái bị hại dẫn đến đứt màng bao tim, đứt thủng tâm thất trái làm cho bị hại chết. Luật sư bào chữa cho bị cáo P đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ do bị cáo P đã bồi thường thiệt hại là không có cơ sở vì bị cáo P chưa bồi thường thiệt hại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Minh C và bị cáo Võ Văn P phạm tội: “giết người”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Minh C 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: ngày 22/10/2022.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Văn P 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bị cáo ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: ngày 19/12/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 585, 587, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện bị hại và các bị cáo về việc bị cáo Lê Văn Minh C và bị cáo Võ Văn P có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại số tiền 199.000.000 đồng, trong đó bị cáo C phải bồi thường 100.000.000 đồng, phần còn lại 99.000.000 đồng bị cáo P phải bồi thường.

Số tiền bị cáo C nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 310 ngày 13/3/20023 của Cục Thi hành án tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ phần còn lại bị cáo C có trách nhiệm bồi thường.

4. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu để tiêu hủy các tài sản dưới đây:

01 (một) cái kéo dài 23cm, lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng dài 12cm, cán nhựa màu tím nhạt dài 11cm, 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen, xám, có chữ ASIASPOPTS, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, đỏ có chữ FOREVER, 01 (một) cái áo sơ mi tay dài, màu đen, vạt áo phía trước bên phải có một vết thủng, kích thước 1,3cm x 1,0cm các tài sản này không còn giá trị sử dụng.

5. Về án phí: áp dụng 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn Minh C và bị cáo Võ Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, đại diện người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01b;
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CQĐTTVL: 02b;
- CQTHADSTVL: 02b;
- CQTHAHSTVL: 01b;
- TTG: 02b;
- PHSCAVL: 01b;
- STP: 01b;
- BC, ĐDBH, NLQ: 04b;
- UBND, CA nơi BC cư trú : 02b;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án: 02b;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn